TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2024
V/v "*Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

2/ Bà **Lê Thị Tuyết Mai**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ* tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Quốc** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 299/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Vũ Thế C, sinh năm 1982 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số A12 – 21, đường số 8, KDC T1, khu vực T, phường T1, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà Dương Thị Thanh T, sinh năm 1982 (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số A12 – 21, đường số 8, KDC T1, khu vực T, phường T1, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Thế C trình bày:

Qua tìm hiểu ông C và bà Dương Thị Thanh T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận A, thành phố Cần Thơ vào ngày 01/8/2006.

Ông, bà sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, cả hai đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Ông C và bà T đã ly thân từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay. Ngoài ra, ông C đã nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà T vào ngày 19/12/2022 tại Tòa án nhân dân quận C nhưng sau đó ông C đã rút đơn khởi kiện. Thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Vì vậy, ông C làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ giải quyết cho ông vấn đề sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Vũ Thế C được ly hôn với bà Dương Thị Thanh T.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bình M (nam); sinh ngày 18/9/2009. Hiện tại cháu M đang sống với bà T, sau khi ly hôn ông C đồng ý để bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Ông C không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Dương Thị Thanh T trình bày: Bị đơn thống nhất về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như nguyên đơn đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong công việc cho nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn. Trước yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý với lý do còn thương chồng, thương con. Trường hợp nguyên đơn kiên quyết ly hôn thì bị đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến khi trưởng thành, không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng.

Vụ án không hòa giải được. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn, về con chung thì đồng ý giao con cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với nguyên đơn và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt cho nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy mâu thuẫn giữa ông C và bà T đã thật sự nghiêm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Ông Nguyễn Vũ Thế C và bà Dương Thị Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ vào ngày 01/8/2006 nên xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, ông C và bà T phát sinh mâu thuẫn, ông C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn*". Bị đơn có địa chỉ tại quận C cho nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và không đồng ý ly hôn cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án (vắng mặt nguyên đơn và bị đơn) theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Ông C và bà T chung sống năm 2006 và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/8/2006 tại Ủy ban nhân dân phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Ông C và bà T sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, bà T xác nhận bà và ông C chung sống hạnh phúc từ năm 2006 đến năm 2022 nhưng từ năm 2022 đến nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong công việc, trước yêu cầu ly hôn của ông C thì bà T không đồng ý với do bà còn thương chồng, thương con. Đối với ông C thì vẫn cương quyết ly hôn với bà T với lý do tánh tình không còn hợp nhau, ông

không còn tình cảm với cuộc sống hôn nhân này, ông đã ly thân với bà T từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay. Mặc khác, trước đây ông C đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân quận C để yêu cầu ly hôn với bà T nhưng sau đó ông C đã rút lại đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân quận C đã ra Quyết định đình chỉ vụ án số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/02/2023 của Tòa án nhân dân quận C để cho cả hai hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Điều này chứng tỏ giữa ông C và bà T đã không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung cũng không còn ý nghĩa. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C theo quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông C khai có 01 con chung tên Nguyễn Bình M (nam); sinh ngày 18/9/2009. Hiện tại cháu M đang sống với bà T, sau khi ly hôn ông C đồng ý để bà T được trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Ông C không cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền *của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Tại bản tự khai ngày 25/12/2023 thì cháu M có nguyện vọng sống với mẹ. Ngoài ra, hiện tại cháu M đang sống chung với bà T. T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu M đến khi trưởng thành. Nhằm tạo điều kiện về mặt vật chất và tinh thần cho cháu M tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu. Vì vậy, việc giao cháu M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp quy định pháp luật và cũng đảm bảo cuộc sống cho cháu M. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông C theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung:* Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác

[6] *Về nợ chung*: Nguyên đơn và bị đơn khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Vũ Thế C về việc ly hôn với bà Dương Thị Thanh T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Vũ Thế C được ly hôn với bà Dương Thị Thanh T.

2. *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Bình M (nam); sinh ngày 18/9/2009. Giao cháu M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông C theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Nguyễn Vũ Thế C phải chịu 300.000 đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp theo biên lai thu số 0003093 ngày 27/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự, quận C thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm phải chịu. Ông C đã nộp xong án phí.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND QCR;
- Chi cục THADS quận C;
- TAND TP.CT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Trung Hiến